TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST Ngày 28 - 8- 2019 V/v Không công nhận vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ toạ phiên toà:* ông Tòng Văn Quân

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Khang A Tông

2. ông Lý A Náng

Thư ký phiên toà: ông Lý A Hờ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên tòa: bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/ 5/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị **Giàng Thị Ch**, sinh năm 1982; trú tại: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

2. *Bị đơn*: anh **Sùng A Ch**, sinh năm 1981; trú tại: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái – vắng mặt.

3. *Người phiên dịch tiếng Mông*: ông Thào A Dờ, trú tại: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và các biên bản lấy lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Giàng Thị Ch trình bày: chị và anh Sùng A Ch chung sống như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị Ch và anh Ch đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch có quan hệ ngoại tình, sống chung như vợ chồng với một người phụ nữ khác; không quan tâm, chăm lo đến gia đình vợ con; trong thời gian chung sống anh Ch hay chửi mắng, đánh đập chị Ch và hủy hoại tài sản của gia đình; nay chị Ch và

anh Ch đã sống ly thân. Do đó chị Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với anh Ch được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Sùng A Ch.

Tại bản tự khai khai ngày 24/5/2019 bị đơn là anh Sùng A Ch cũng thừa nhận có chung sống như vợ chồng với chị Giàng Thị Ch từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, anh Ch thừa nhận mình đã bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác, nhưng nguyên nhân là do năm 2011 chị Ch đã có hành vi ngoại tình trước và đã được anh em họ hàng giải quyết hòa giải, việc chị Ch ngoại tình đã khiến cho anh Ch không thể chấp nhận nên mới bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác.

Về con chung và tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị Ch đã rút yêu cầu, không đề nghị Toa án giải quyết.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2019 thể hiện chị Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch sống chung như vợ chồng từ năm 1996, không ký kết hôn. Tại địa phương chị Ch và anh Ch có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Ch đã đi chung sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác từ năm 2017. Nay chị Ch và anh Ch đang sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Sùng A Ch dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị Ch có yêu cầu ly hôn nhưng anh Ch không có ý kiến gì. Tòa án thấy rằng: Ch Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Ch và anh Ch là không hợp pháp. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch.

[3] Về con chung: Nguyên đơn đã rút yêu cầu, bị đơn không có ý kiến gì, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung: Nguyên đơn đã rút yêu cầu, bị đơn không có yêu cầu phản tố, cũng như không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điển đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 35, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1) Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị Ch và anh Sùng A Ch là vợ chồng.

2) Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

3) Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tòng Văn Quân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Lao Chải; huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.